TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/DS – ST
Ngày: 27/05/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần T**
Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà T, số 57 phố A, phường A1, quận A2, Thành phố Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991 và/hoặc ông Nguyễn Trường L và/hoặc ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1997 (xin vắng mặt) (Theo các văn bản ủy quyền số 08/2019/UQ-TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 và số 370/2020/UQ-TPB.NHCN.RB ngày 08/6/2020)

Bị đơn: 1/ Ông **Trương Quốc T**, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: 5/38 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bà **Châu Thị L**, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Căn hộ A1.2216 Cao ốc HB, số 346 BVĐ, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Minh K trình bày*:

Bà Châu Thị L và Ông Trương Quốc T vay vốn tại Ngân hàng TMCP T (TBANK – chi nhánh HV), địa chỉ 32A HG, Phường D1, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng cho vay số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01 ngày 30/11/2016, nội dung chính như sau:

Số tiền vay: 500,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay mua xe theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 1773/2016/HĐMB–Mazda3CKD/CNGVT giữa Ông Trương Quốc T và Chi nhánh GV – Công ty cổ phần ô tô TH ngày 25/11/2016

Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau:

+ Lãi suất áp dụng kể từ ngày 30/11/2016 cho đến ngày 30/11/2017 là 7,9%/năm;

+ Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 30/11/2020: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiền gửi tiết kiệm thường lĩnh cuối kỳ, kỳ hạn 12 tháng, dành cho khách hàng cá nhân của TBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,25%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 488/2016/HDBD/TTB MN2/01 ngày 30/11/2016: Xe nhãn hiệu Mazda màu trắng, số khung RN2BM5AA6GC051619, số máy P520405889, Biển kiểm soát 51G-203.23.

Quá trình thực hiện hợp đồng Bà Châu Thị L và Ông Trương Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với TBank kể từ ngày 26/08/2019 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày 27/05/2022, Bà Châu Thị L và Ông Trương Quốc T còn nợ TBank số tiền là: nợ gốc: 166,666,656 đồng và nợ lãi trong hạn 13,919,450, nợ lãi quá hạn 71,387,602 đồng. Tổng nợ: 251,973,708 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng).

Nay Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu:

–Yêu cầu Tòa án buộc Bà Châu Thị L và Ông Trương Quốc T phải thanh toán cho TBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; Tạm tính đến ngày 27/05/2022, Bà Châu Thị L và Ông Trương Quốc T còn nợ TBank số tiền là: nợ gốc: 166,666,656 đồng và nợ lãi trong hạn 13,919,450, nợ lãi quá hạn 71,387,602 đồng. Tổng nợ: 251,973,708 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm lẻ tám đồng).

–Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày Bà Châu Thị L và Ông Trương Quốc T thực tế thanh toán hết nợ cho TBank.

- Trường hợp Bà Châu Thị L và Ông Trương Quốc T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, T Bank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho kê biên, phát mãi Tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho T Bank, cụ thể là : Xe nhãn hiệu Mazda màu trắng, số khung RN2BM5AA6GC051619, số máy P520405889, Biển kiểm soát 51G-203.23.

Bị đơn là bà Châu Thị L trình bày: Đối với khoản vay 500.000.000 đồng tại Ngân hàng TBank – Chi nhánh HV thì tại thời điểm vay bà đang là vợ của ông Trương Quốc T. Hiện nay bà và ông T đã ly hôn nên số nợ còn lại mà Ngân hàng đang khởi kiện bà và ông T thì bà đề nghị xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe để thực hiện việc thu hồi nợ. Thực tế tiền mua xe và thanh toán trả nợ cho Ngân hàng đều do ông T chịu trách nhiệm nên bà đề nghị loại trừ trách nhiệm trả nợ của bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Trương Quốc T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn là ông Trương Quốc T vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 phát biểu:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu ông Trương Quốc T, bà Châu Thị L có nghĩa vụ trả nợ vì vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Theo xác minh số 406/2020/XM-TA ngày 06/07/2020, số 179/XM-TA ngày 03/9/2020 của Công an Phường B1, Quận B2; Xác minh số 501/XM-TA ngày 17/8/2020 của Công an Phường C1, Quận C2; Xác minh số 500/XM-TA ngày 17/8/2020 của Công an Phường D1, Quận D2 thể hiện nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông Trương Quốc T là tại địa chỉ: 5/38 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú cuối cùng của bà Châu Thị L là tại địa chỉ Căn hộ A1.2216 Cao ốc HB, số 346 BVĐ, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ ông T, bà L ghi trong các Hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản cùng là địa chỉ 5/38 B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn là Ngân hàng T lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận B2 nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B2 theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét về số tiền phải trả

Xét thấy vào ngày 30/11/2016 giữa Ngân hàng T và ông T, bà L có ký các văn bản sau :

Hợp đồng cho vay số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01 ; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01 ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01.

Nội dung chính của các hợp đồng trên là Ngân hàng cho ông T bà L vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng ; Lãi suất được áp dụng theo như Ngân hàng đã trình bày ở trên; Mục đích vay để mua xe theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 1773/2016/HĐMB-Mazda3CKD/CNGVT giữa ông Trương Quốc T và Công ty cổ phần ô tô TH – Chi nhánh GV. Loại xe mua đồng thời là tài sản thế chấp là chiếc xe nhãn hiệu Mazda3 màu trắng, số khung RN2BM5AA6GC0516, số máy P520405889, biển kiểm soát 51G-203.23.

Xét thấy, sau khi ký hợp đồng vay Ngân hàng đã giải Ngân số tiền 500.000.000 đồng cho ông T, bà L để thực hiện việc mua xe ô tô. Ông T, bà L đã nhận đủ số tiền trên thể hiện qua nội dung của Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà ông T, bà L đã ký với Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà L có thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng tới thời điểm tháng 8/2019 thì ông T bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết nên toàn bộ khoản cấp tín dụng đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/08/2019 với mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn gửi ông T, bà L với dư nợ tại thời điểm ngày 25/9/2019 là : Nợ gốc : 166.666.656 đồng ; nợ lãi 2.648.357 đồng, Tổng cộng là 169.315.013 đồng.

Xét thấy, kể từ ngày 26/08/2019 là ngày dư nợ chuyển sang quá hạn cho tới thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì ông T, bà L vẫn chưa trả nợ thêm bất kỳ khoản nào nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu ông T, bà L phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

- Xét về số tiền nợ gốc : Ngân hàng yêu cầu ông T, bà L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 166.666.656 đồng. Xét thấy, qua các bản sao kê tài khoản mà Ngân hàng cung cấp về quá trình trả nợ của ông T, bà L thì thể hiện rằng số tiền nợ gốc này là từ ngày 26/8/2019 nhưng cho tới nay ông T, bà L vẫn chưa trả thêm được khoản nào nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T, bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 166.666.656 đồng.

- Xét về số tiền nợ lãi : Ngân hàng yêu cầu ông T, bà L trả nợ lãi trong hạn số tiền 13.919.450 và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 27/05/2022 là 71.387.602 đồng.

Căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và quá trình trả nợ của ông T bà L thì thời điểm khoản nợ chuyển quá hạn là kể từ ngày 26/08/2019. Xét thấy, Ngân hàng đã tính các khoản lãi trong hạn, quá hạn đúng theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông T, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi trong hạn là 13.919.450 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 27/05/2022 là 71.387.602 đồng. Nợ lãi quá hạn tính trên số tiền gốc sẽ tiếp tục được tính sau ngày 27/05/2022 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Như vậy, về số tiền trả nợ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông T, bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 27/05/2022 tổng cộng là 251.973.708 đồng. (hai trăm năm mươi mốt triệu, chín trăm bày mươi ba ngàn, bảy trăm lẻ tám đồng).

[3.2] Xét về người có nghĩa vụ trả nợ :

Bị đơn là bà Châu Thị L có trình bày trong bản tự khai ngày 25/11/2020 không đồng ý trả nợ cùng với ông T khoản nợ trên. Lý do vì thời điểm vay mua xe ô tô thì bà L là vợ của ông T, nhưng sau đó thì hai người đã ly hôn vào tháng

3 năm 2019 ; Tiền mua xe và thanh toán nợ Ngân hàng do ông T chịu trách nhiệm vì đó là xe của ông T.

Xét thấy, thời điểm ký hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản là ngày 30/11/2016 thì ông T, bà L cùng ký tên vào các hợp đồng này và tại thời điểm ký thì ông T, bà L đang là vợ chồng hợp pháp. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình : '*Vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây :*

Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm''

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định : ''*Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này''*

Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình quy định : ''*Quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau ly hôn, trừ trường hợp vợ chồng và người thứ ba có thỏa thuận khác''*

Căn cứ các quy định của luật như trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bà L, buộc ông Trương Quốc T và bà Châu Thị L có nghĩa vụ liên đới trả các khoản nợ cho Ngân hàng.

[3.3] Về xử lý tài sản đảm bảo

Khoản vay của ông T, bà L được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản là chiếc xe nhãn hiệu Mazda3 màu trắng, số khung RN2BM5AA6GC0516, số máy P520405889, biển kiểm soát 51G-203.23. Việc xử lý tài sản thế chấp được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 30/11/2016 và bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 12/12/2016. Việc thế chấp trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông cho Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, việc thế chấp của các bên đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực buộc các bên phải thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trường hợp ông Trương Quốc T, bà Châu Thị L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho kê biên, phát mãi tài sản là chiếc xe nhãn hiệu Mazda3 màu trắng, số khung RN2BM5AA6GC0516, số máy P520405889, biển kiểm soát 51G-203.23 để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: Ông Trương Quốc T, bà Châu Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền là 12.598.685 đồng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B2 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 , Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

1.1. Ông Trương Quốc T và bà Châu Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01 ngày 30/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01 ngày 30/11/2016 ; Hợp đồng thế chấp tài sản số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01 ngày 30/11/2016 và Bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 488/2016/HDTD/TTBMN2/01/SĐBSHĐ số tiền là **251.973.708 đồng** (hai trăm năm mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm lẻ tám đồng) (gồm nợ gốc là 166.666.656 đồng, nợ lãi trong hạn 13.919.450 đồng, nợ lãi quá hạn 71.387.602 đồng).

1.2. Việc thanh toán tiền được thực hiện một lần tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Sau khi ông Trương Quốc T và bà Châu Thị L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần T phải trả các giấy tờ (bản chính) liên quan đến tài sản thế chấp để làm thủ tục giải chấp tài sản đảm bảo cho ông Trương Quốc T và bà Châu Thị L.

Trường hợp ông Trương Quốc T và bà Châu Thị L không thực hiện đúng thời hạn trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là: chiếc xe nhãn hiệu Mazda3 màu trắng, số khung RN2BM5AA6GC0516, số máy P520405889, biển kiểm soát 51G-203.23

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 12.598.685 đồng (mươi hai triệu năm trăm chí mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng) do ông Trương Quốc T và bà Châu Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.561.778 đồng (bốn triệu năm trăm sáu mươi mốt ngàn bảy trăm bảy mươi tám đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0014725 ngày 22/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần T, ông Trương Quốc T và bà Châu Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN PHIÊN TÒA**